



1117

Series

Tải nặng

LOẠI CÀNG XANH

藍架系列

- Chịu tải lớn, thích hợp sử dụng ở những nơi bề mặt gồ ghề và nền xi măng.

Gồm có bánh xe lốp hơi và bánh xe cao su đặc (được sản xuất bằng loại cao su cao cấp), tải trọng lớn, chịu mài mòn và chịu va đập.

- 高負載，適用於水泥路面或凹凸不平的地面，所配風輪、風硬輪，採用優質橡膠製成，荷重高，耐磨耐衝擊。

Tải trọng 載重
100-250 kg



» Đặc điểm 特色區

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Khóa giữa
中剎



Bánh xe lốp hơi có sẫm
(mâm thép sơn màu)
風輪(烤漆鐵框)



Bánh xe lốp hơi có sẫm
(mâm nhựa)
風輪(塑框)



Bánh xe lốp hơi có sẫm
(mâm thép mạ kẽm)
風輪(鍍鋅鐵框)



Bánh xe flat free
防爆輪



Bánh cao su đặc Resolute
風硬全效輪



Bánh cao su đặc W Resolute
風硬 W全效輪



Bánh xe cao su đặc
(mâm thép mạ kẽm)
風硬輪(鍍鋅鐵框)



Bánh xe cao su đặc
(mâm thép sơn màu)
風硬輪(烤漆鐵框)



Ô bi
滾珠軸承

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
Bánh xe 8" 8" 藍架	105 mm x 144 mm (4-1/8" x 5-11/16")	75 mm x 120 mm (3" x 4-3/4")	12 mm (1/2")
Bánh xe 10" 10" 藍架	130 mm x 167 mm (5-1/8" x 6-11/16")	100 mm x 140 mm (4" x 5-1/2")	12 mm (1/2")
Bánh xe 12" 12" 藍架	130 mm x 167 mm (5-1/8" x 6-11/16")	100 mm x 140 mm (4" x 5-1/2")	12 mm (1/2")



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑	Các loại bánh xe 輪子樣式
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車				
200mm x 53mm (8" x 2-1/8")	120 kgs (265 lbs)	Bánh xe cao su đặc 風硬輪	1117-08-02-1	1117-08-02-2	1117-08-02-4	Ổ bi 滾珠	245 mm (9-5/8")	Xoay 163mm Khóa 163mm 活動 163 mm 煞車 163 mm	
202mm x 51mm (8" x 2")	180 kgs (400 lbs)	Bánh cao su đặc Resolute 風硬全效輪	1117-08-53-1	1117-08-53-2	1117-08-53-4	Ổ bi 滾珠	246 mm (9-5/8")	Xoay 164mm Khóa 164mm 活動 164mm 煞車 164 mm	
208mm x 55mm (8-3/16" x 2-3/16")	100 kgs (220 lbs)	Bánh xe flat free 防爆輪	1117-08-05-1	1117-08-05-2	1117-08-05-4	Ổ bi 滾珠	249 mm (9-13/16")	Xoay 167mm Khóa 167mm 活動 167mm 煞車 167 mm	
216mm x 65mm (8-1/2" x 2-9/16")	150 kgs (330 lbs)	Bánh xe lốp hơi có săm 風輪	1117-08-01-1	1117-08-01-2	1117-08-01-4	Ổ bi 滾珠	253 mm (10")	Xoay 171mm Khóa 171mm 活動 171mm 煞車 171 mm	
246mm x 74mm (10" x 2-15/16")	230 kgs (505 lbs)	Bánh cao su đặc W Resolute 風硬 W全效輪	1117-10-95-1	1117-10-95-2	1117-10-95-4	Ổ bi 滾珠	296 mm (11-11/16")	Xoay 199mm Khóa 199mm 活動 199mm 煞車 199 mm	
250mm x 74mm (10" x 2-15/16")	180 kgs (395 lbs)	Bánh xe cao su đặc 風硬輪	1117-10-02-1	1117-10-02-2	1117-10-02-4	Ổ bi 滾珠	298 mm (11-3/4")	Xoay 201mm Khóa 201mm 活動 201mm 煞車 201 mm	
260mm x 85mm (10-1/4" x 3-3/8")	150 kgs (330 lbs)	Bánh xe flat free 防爆輪	1117-10-05-1	1117-10-05-2	1117-10-05-4	Ổ bi 滾珠	303 mm (11-15/16")	Xoay 206mm Khóa 206mm 活動 206mm 煞車 206mm	
270mm x 86mm (10-5/8" x 3-3/8")	200 kgs (440 lbs)	Bánh xe lốp hơi có săm 風輪	1117-10-01-1	1117-10-01-2	1117-10-01-4	Ổ bi 滾珠	308 mm (12-3/16")	Xoay 211mm Khóa 211mm 活動 211mm 煞車 211mm	
307mm x 85mm (12-1/8" x 3-3/8")	250 kgs (550 lbs)	Bánh xe lốp hơi có săm 風輪	1117-12-01-1	1117-12-01-2	1117-12-01-4	Ổ bi 滾珠	350 mm (13-13/16")	Xoay 230mm Khóa 230mm 活動 230mm 煞車 230mm	